

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TỪ VỰNG TIẾNG TRUNG QUỐC**

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

Năm 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

1. Tên học phần: Từ vựng tiếng Trung Quốc

2. Mã học phần: NNTQ 008

3. Số tín chỉ: 3 (3,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ ba (kỳ 1)

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 45 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 90 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sau các học phần Ngữ âm và văn tự tiếng Trung Quốc

7. Giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Phạm Thị Hồng Trang	0988.900.158	pthtrang@saodo.edu.vn
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	ntlans@saodo.edu.vn
3	ThS. Vũ Trọng Tuấn	0988735498	vttuan@saodo.edu.vn
4	ThS. Hứa Thị Xuyên	0364.452.107	htxuyen@saodo.edu.vn

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Từ vựng tiếng Trung Quốc cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau: Khái quát và cụ thể về hệ thống từ loại và những đơn vị ngữ nghĩa của từ loại tiếng Trung Quốc. Trên cơ sở giới thiệu khái quát sự hình thành và phát triển của từ vựng tiếng Hán, học phần còn đi sâu tìm hiểu hình thức bên ngoài và ý nghĩa bên trong của từ, bao gồm tính chất, cấu tạo của từ, nội dung ngữ nghĩa, đơn vị ngữ nghĩa và hiện tượng đa nghĩa của từ. Từ đó tiến tới tìm hiểu mối quan hệ giữa từ và từ, bao gồm mối quan hệ giữa các từ đồng nghĩa, phản nghĩa, đồng âm, đồng tố. Ngoài ra, học phần còn dành một phần quan trọng cho việc giới thiệu nội dung về thực ngữ, bao gồm thành ngữ, quán ngữ, yết hậu ngữ, ngạn ngữ.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Xác định kiến thức cơ bản về lý thuyết từ vựng bao gồm: định nghĩa về từ vựng, thành phần cấu tạo nên từ vựng trong tiếng Hán.	3	[1.2.1.2.b]
MT2.2	Phân biệt, nhận dạng, trình bày khái niệm, đặc điểm, cách cấu tạo về ngữ tố, từ, từ đơn, từ ghép, từ đa nghĩa, từ đa âm, từ đa tố, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, thực ngữ.	3	[1.2.1.2.b]
MT2.3	Khái quát được mối quan hệ giữa từ vựng tiếng Hán và văn hóa Trung Quốc.	3	[1.2.1.2.b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Sử dụng đúng kiến thức cơ bản về từ vựng trong học phần trong giao tiếp hằng ngày và trong công việc.	3	[1.2.2.2]
MT2.2	Ứng dụng các lý thuyết từ vựng trong học phần vào thực hành phân tích cấu tạo từ và nghĩa của từ, viết câu, đoạn văn, bài văn đúng văn phong tiếng Trung Quốc.	3	[1.2.2.2]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Trình bày và phân biệt được thế nào là ngữ tố, từ, ngữ nghĩa, từ đồng nghĩa, trái nghĩa, ... và cụm từ cố định, yết hậu ngữ, ngạn ngữ.	3	[2.1.4]
CĐR1.2	Mối quan hệ giữa từ vựng tiếng Trung Quốc và văn	3	[2.1.4]

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	hóa Trung Quốc.		
CĐR1.3	Trình bày được định nghĩa và phân biệt tính chất, cấu tạo từ đơn và từ ghép.	3	[2.1.4]
CĐR1.4	Nắm bắt được đặc điểm và diễn biến nghĩa của từ: phân loại của mục nghĩa (nghĩa từ điển), từ đơn nghĩa, từ đa nghĩa, từ đồng âm.	3	[2.1.4]
CĐR1.5	Phân biệt được từ đồng nghĩa, cận nghĩa, đồng âm và đồng tố.	3	[2.1.4]
CĐR1.6	Nắm bắt được nguồn gốc, phương thức cấu tạo của Thục ngữ (thành ngữ, ngạn ngữ, quán dụng ngữ, yển hậu ngữ).	3	[2.1.4]
CĐR2	Kỹ năng		
CĐR2.1	Sử dụng đúng kiến thức cơ bản về từ vựng trong học phần trong giao tiếp hằng ngày và trong công việc.	3	[2.2.3]
CĐR2.2	Ứng dụng các lý thuyết từ vựng trong học phần vào thực hành phân tích cấu tạo từ và nghĩa của từ, viết câu, đoạn văn, bài văn đúng văn phong tiếng Trung Quốc.	3	[2.2.3]
CĐR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu.	3	[2.3.1]
CĐR3.3	Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần										
		CDR1						CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	第一章 汉语词汇该说 第一节 词和词汇 第二节 汉语词汇的构成 第三节 汉语词汇的特点 第四节 汉语词汇与文化											
		3	3	3				3	3	3	3	3
2	第二章 词的性质与构造 第一节 词的性质 第二节 词的构造											
		3	3	3				3	3	3	3	3
3	第三章 词的意义（上） 第一节 词义的内容 第二节 词义的单位 第三节 一词多义现象											
		3	3		3			3	3	3	3	3
4	第四章 词的意义（下） 第一节 词义的演变 第二节 词义和构成它的语素的意义的关系											
		3	3		3			3	3	3	3	3
5	第五章 词和词的关系											
		3	3			3		3	3	3	3	3

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần										
		CDR1						CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 1.3	CDR 1.4	CDR 1.5	CDR 1.6	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
	第一节 同义词 第二节 反义词 第三节 同音词 第四节 同素词											
6	第六章 熟语 第一节 熟语概说 第二节 成语 第三节 惯用语 第四节 歇后语 第五节 谚语	3	3				3	3	3	3	3	3

11. Đánh giá học phần

11.1. Ma trận phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Phương pháp kiểm tra đánh giá (Hình thức, thời gian, thời điểm)	CĐR của học phần			Ghi chú
					CĐR1	CĐR2	CĐR3	
1	Điểm thường xuyên	1 điểm	20%	- Bài tập cá nhân. - Thực hành trên lớp. - Làm việc nhóm. - Điểm chuyên cần.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6.	CĐR2.1, CĐR2.2.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	Điểm trung bình của các lần đánh giá
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	Tự luận (90 phút)	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6.	CĐR2.1, CĐR2.2.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	
3	Thi kết thúc học phần	1 điểm	50%	Tự luận (90 phút)	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR1.4, CĐR1.5, CĐR1.6.	CĐR2.1, CĐR2.2.	CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.	

11.2. Cách tính điểm học phần

Điểm học phần là trung bình cộng các điểm thành phần đã nhân trọng số. Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm điểm 4.

12. Yêu cầu học phần

- Tham gia tối thiểu 80% số giờ học trên lớp.
- Đọc và hoàn thành các bài tập tài liệu bắt buộc và tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Điện thoại smart phone, vở ghi, bút,...

13. Tài liệu phục vụ học phần

Tài liệu bắt buộc:

[1] - Trường Đại học Sao Đỏ (2022), *Giáo trình Từ vựng tiếng Trung Quốc*

[2] - 万艺玲 (2000年, *汉语词汇教程*, 北京语言大学出版社

Tài liệu tham khảo:

[3] - Nguyễn Thúy Nga (2011), *现代汉语语法词汇教程*, Trường Đại học Hà Nội

[4] - 高燕 (2007, *对外汉语词汇教学*, 华东师范大学出版社

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy - học

Chương	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
1	<p>第一章 汉语词汇概说</p> <p>Mục tiêu chương:</p> <ul style="list-style-type: none">- Xác định và ghi nhớ kiến thức cơ bản về lý thuyết từ vựng bao gồm: định nghĩa về từ, từ ngữ, từ vựng, thành phần cấu tạo nên từ vựng trong tiếng Hán hiện đại, mối quan hệ giữa từ vựng và văn hóa.- Cắt nghĩa được những thuật ngữ chuyên ngành về từ vựng, như: từ, từ ngữ, từ vựng, kết cấu.- Ứng dụng kiến thức lý thuyết trong bài để hoàn thành các bài tập trong phần luyện tập.- Tổng kết, so sánh sự khác nhau giữa từ bản địa (từ gốc) và từ ngoại lai (từ mượn).- Nhận xét, đánh giá mối quan hệ giữa từ vựng và văn hóa. Từ đó ứng dụng trong giao tiếp tiếng Trung Quốc. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第一节 词和词汇</p> <p>第二节 汉语词汇的构成</p> <p>第三节 汉语词汇的特点</p> <p>第四节 汉语词汇与文化</p>	6 (6LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Giảng giải, phân tích làm rõ các nội dung lý thuyết trong chương.+ Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm.+ Xây dựng câu hỏi liên quan đến nội dung nhiệm vụ của từng nhóm.+ Hướng dẫn sinh viên thực hiện và trình bày các bài tập được giao.+ Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 1 - 23. [2]: Trang 1 - 17.+ Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ.+ Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả.+ Các nhóm phản xạ trả lời nhanh câu hỏi của giảng viên.+ Sinh viên tự nhận xét, đánh giá kết quả thảo luận.+ Hoàn thành bài tập trong	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

Chương	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
			[1]: Trang 4, 10, 11, 17, 23.	
2	<p>第二章 词的性质与构造</p> <p>Mục tiêu chương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và làm rõ được khái niệm, đặc điểm của chữ và từ. - Cắt nghĩa những thuật ngữ chuyên ngành như: ngữ tố, từ đơn, từ ghép. - Nắm rõ quy tắc cấu tạo từ, từ đó ứng dụng phân tích từng trường hợp cụ thể. - Vận dụng kiến thức lý thuyết và thực hành để hoàn thành các bài tập trong mục luyện tập. - Dựa vào quy tắc cấu tạo từ tiếng Trung Quốc tiến hành so sánh đối chiếu với tiếng Việt. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第一节 词的性质</p> <p>第二节 词的构造</p>	4 (4LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giảng giải, phân tích làm rõ các nội dung lý thuyết trong chương. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập. + GV tổng kết kết quả trình bày của sinh viên. <p>Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 24 - 41. [2]: Trang 23 - 32. [3]: Trang 10 - 23; 26 - 40. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả. + Đại diện nhóm đưa ra nhận xét, đánh giá, + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 29, 30, 41. 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.3, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.
3	<p>第三章 词的意义（上）</p> <p>Mục tiêu chương:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày, làm rõ được khái niệm, đặc điểm ngữ pháp của ngữ tố, từ đơn, từ ghép. - Cắt nghĩa những khái niệm chuyên ngành như: nghĩa phụ thuộc, nghĩa sắc thái. - Vận dụng kiến thức lý thuyết để phân tích nghĩa của từ. 	6 (6LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, thảo luận nhóm</p> <p>Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giảng giải, phân tích làm rõ các nội dung lý thuyết trong chương. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Xây dựng câu hỏi liên 	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

Chương	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	<p>Nội dung cụ thể: 第一节 词义的内容 第二节 词义的单位 第三节 一词多义现象</p>		<p>quan đến nội dung nhiệm vụ của từng nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập, đưa ra đánh giá cá nhân. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên. Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 42 - 65. [2]: Trang 47 - 79. [3]: Trang 41 - 50. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả. + Các nhóm phản xạ trả lời nhanh câu hỏi của giảng viên. + Sinh viên nhận xét đánh giá đan xen. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 50 - 51; 57 - 58; 64 - 65.</p>	
4	<p>第四章 词的意义 (下) Mục tiêu chương: - Trình bày và làm rõ được khái niệm, đặc điểm sự biến đổi nghĩa của từ, mối quan hệ ý nghĩa của ngữ tố cấu thành nên nghĩa của từ. - Vận dụng kiến thức lý thuyết trong bài để làm các bài tập. Nội dung cụ thể: 第一节 词义的演变 第二节 词义和构成它的语素的意义的关系</p>	7 (5LT, 0TH, 2KT)	<p>Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, hoạt động nhóm Giảng viên: + Giảng giải, phân tích làm rõ các nội dung lý thuyết trong chương. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập. + Hướng dẫn sinh viên đưa ra đánh giá đan xen. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.4, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

Chương	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	Kiểm tra giữa học phần		Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 66 - 74. [2]: Trang 75 - 79. [4]: Trang 101 - 125. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả. Nhận xét đánh giá đan xen. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 69, 76, 77. + Làm bài kiểm tra giữa học phần.	
5	第五章 词和词的关系 Mục tiêu chương: - Trình bày và làm rõ được khái niệm, đặc điểm, cách phân loại, cách dùng của từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm và từ đồng tố. - Cắt nghĩa các thuật ngữ chuyên ngành như: đồng nghĩa, trái nghĩa, đồng âm và đồng tố. - Có kỹ năng phân tích trường ngữ nghĩa, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa. - Vận dụng định nghĩa, đặc điểm và phân loại mục nghĩa (nghĩa từ điển) để tiến hành so sánh, đánh giá sự khác biệt giữa các loại từ. - Sinh viên hình thành khả năng thuyết trình trước đám đông, đưa ra đánh giá cá nhân sau quá trình tự nghiên cứu và tra cứu tài liệu với nội dung chủ đề có liên quan đến bài học.	10 (10LT, 0TH)	Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, thảo luận nhóm. Giảng viên: + Giảng giải, phân tích làm rõ các nội dung lý thuyết trong chương. + Tiến hành phân nhóm với 4 chủ đề (yêu cầu sử dụng PowerPoint thuyết trình): Nhóm 1: 同义词 Nhóm 2: 反义词 Nhóm 3: 同音词 Nhóm 4: 同素词 + Xây dựng câu hỏi liên quan đến nội dung nhiệm vụ của từng nhóm. + Hướng dẫn sinh viên tìm kiếm, chọn lọc tài liệu. Phát huy sự tự chủ trong học tập của sinh viên. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập. + Nhận xét, đánh giá.	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.5, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

Chương	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	<p>Nội dung cụ thể: 第一节 同义词 第二节 反义词 第三节 同音词 第四节 语素词</p>		<p>Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 78 - 108. [2]: Trang 88 - 123. [3]: Trang 60 - 100. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả thông qua thuyết trình có sử dụng powerpoint. + Các nhóm phản xạ trả lời nhanh câu hỏi của giảng viên. + Đánh giá đan xen giữa các thành viên trong nhóm. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 87 - 89; 98 - 99; 104, 109.</p>	
6	<p>第六章 熟语 Mục tiêu chương: - Trình bày và làm rõ được khái niệm, đặc điểm, nguồn gốc, kết cấu, ý nghĩa, cách dùng của thành ngữ, quán dụng ngữ, yết hậu ngữ và ngôn ngữ. - Ứng dụng kiến thức văn hóa Trung Quốc được truyền tải trong các loại hình thực ngữ vào giao tiếp tiếng Trung Quốc trong cuộc sống và làm việc. - Vận dụng kiến thức lý thuyết trong bài để làm các bài tập. - Ứng dụng kiến thức lý thuyết, thực hành trong chương để phân tích, đánh giá câu, đoạn văn, bài văn có sử dụng thực ngữ.</p>	12 (12LT, 0TH)	<p>Thuyết trình, dạy học dựa trên vấn đề, thảo luận nhóm Giảng viên: + Giảng giải, phân tích làm rõ các nội dung lý thuyết trong chương. + Giao bài tập cho cá nhân, các nhóm: Nhóm 1: 成语 Nhóm 2: 惯用语 Nhóm 3: 歇后语 Nhóm 4: 谚语 + Xây dựng câu hỏi liên quan đến nội dung nhiệm vụ của từng nhóm. + Hướng dẫn sinh viên thực hiện các bài tập. + Nhận xét, đánh giá kết quả trình bày của sinh viên.</p>	CĐR1.1, CĐR1.2, CĐR1.6, CĐR2.1, CĐR2.2, CĐR3.1, CĐR3.2, CĐR3.3.

Chương	Nội dung giảng dạy	Số giờ	Phương pháp dạy - học	CĐR học phần
	<p>Nội dung cụ thể: 第一节 熟语概说 第二节 成语 第三节 惯用语 第四节 歇后语 第五节 谚语</p>		<p>- Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Trang 110 - 146. [2]: Trang 129 - 162. [4]: Trang 135 - 161. + Lắng nghe hướng dẫn của giảng viên, quan sát nội dung, ghi chép bài đầy đủ. + Suy nghĩ, thảo luận, trình bày kết quả. + Quan sát nội dung trình bày của các nhóm, tự đánh giá và đánh giá các bạn cùng lớp. + Các nhóm phản xạ trả lời nhanh câu hỏi của giảng viên. + Hoàn thành bài tập cá nhân được giao theo hình thức bài tiểu luận. + Hoàn thành bài tập trong [1]: Trang 124 - 126; 130; 138; 145.</p>	

Hải Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2022

**KT. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

Nguyễn Đăng Tiên

Nguyễn Thị Hoa